

Bản án số: 90/2021/HS-PT
Ngày 17-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiên và ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nguyên - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/TLPT-HS, ngày 10-6-2021 đối với bị cáo Đặng Thế P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 27-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo: Đặng Thế P, sinh năm 1985 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đặng Thiên L (đã chết) và bà Hồ Thị Kim L; sống chung như vợ chồng với bà Trần Thị T và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn T - Luật sư – Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội, địa chỉ: số a, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1966 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ a, phường N, TP. G, tỉnh Đắk Nông

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Văn Q- Luật sư – Công ty Luật quốc tế F- Thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00' ngày 21/3/2020, Nguyễn Thị Ngọc T cùng với chị H' H, anh Y' Q, Y' S, Y' T, Y' T1 và Y' Đ, (Trong đó H' H và Y' Q là những người được bà T nhận làm con nuôi) chở vật liệu gồm cột, kèo bằng gỗ và tôn đến vị trí

đất đang tranh chấp với ông Trần Văn T, tại Bon T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để dựng nhà. Sau khi chở vật liệu tới, bà T cùng những người nói trên bốc, dỡ vật liệu xuống đất. Lúc này, Đặng Thế P (*người được ông Trần Văn T hợp đồng quản lý đất*) ở gần đó thấy bà T bốc vật liệu xuống xe thì tới ngăn cản nhưng bà T vẫn tiếp tục chỉ đạo những người đi cùng bỏ vật liệu từ trên xe xuống. Do không ngăn cản được nên P về nhà gọi chị Trần Thị T, (*là người chung sống như vợ chồng với P*), anh Nguyễn Đức C, Lê Bá A, Trịnh Ngọc L, Bùi Văn T và Trần Văn T1 đến giúp đỡ ngăn cản, không cho bà T dựng nhà. P cầm theo 01 con dao phát, cùng chị T, anh C đi trước đến vị trí bà T và những người đi cùng đang đứng. Lúc này, giữa P, chị T và bà T xảy ra cãi nhau. P lấy điện thoại gọi cho Công an xã T báo sự việc, đồng thời yêu cầu bà T và những người đi cùng không được dựng nhà trên đất mà đợi chính quyền địa phương đến để giải quyết. Bà T đồng ý rồi yêu cầu những người đi cùng dừng lại, không làm nữa. Trong khi chờ chính quyền địa phương đến, P cầm theo 01 con dao phát đi gom các cành điều khô trên đất, chắt thành đống rồi đốt. Sau khi đốt đống thứ nhất, P tiếp tục gom cành điều khô để đốt đống thứ hai, gần với vị trí bà T đang đứng và gần với vị trí bà T để vật liệu dựng nhà. Đống thứ hai này nằm sát một mô đất có kích thước (390 x 310) cm, chiều cao tâm đỉnh mô đất so với mặt bằng xung quanh từ 12 đến 25cm. P để dao phát bên cạnh, ngồi xuống bắt đầu châm lửa đốt thì bà T đi tới, đứng bên trái của P, cách khoảng 40cm ngăn cản không cho P đốt. Lần thứ nhất, khi P bắt đầu châm lửa đốt thì bà T dùng tay phải đẩy vào vai trái P, đồng thời dùng chân phải của mình để đạp lửa. P đứng dậy dùng tay trái đẩy vào vai phải bà T lùi về phía sau, (*bà T không bị ngã*). Lần thứ hai, P tiếp tục ngồi xuống đốt thì bà T lại bước đến đứng tại vị trí như trước đó, dùng tay đẩy vào vai trái P, dùng chân để đạp lửa. P đứng dậy, cầm dao phát nói “*Bà đi ra không tôi chặt chân*”. Tuy nhiên, bà T không lùi lại mà vẫn đứng cãi nhau với P. P tiếp tục ngồi xuống châm lửa đốt lần thứ ba thì bà T tiếp tục đẩy P và đạp lửa. P đứng dậy quay mặt về hướng bà T dùng tay đẩy vào người bà T bước lùi về phía sau (*bà T không bị ngã*). P tiếp tục ngồi xuống đốt lửa lần thứ tư thì bà T tiếp tục bước đến vị trí cách P khoảng 40cm dùng tay phải đẩy vào vai trái của P đồng thời dùng chân phải để đạp lửa. Lần này, P đứng dậy, quay mặt đứng đối diện với bà T, bước lên phía trước một bước, dùng hai tay đẩy mạnh vào trước ngực bà T (*Lý do P đẩy là do bà T giẫm, đạp vào bàn tay trái của P*). Do bị P đẩy mạnh, bà T lùi chân không kịp, mô đất tại vị trí đó không bằng phẳng nên mất tư thế, dẫn đến ngã ngửa về phía sau (*tư thế ngồi*). Sau đó được cán bộ Công an xã T xuống lập biên bản. Do bị ngã, cổ chân phải bị sưng đau đi lại hạn chế nên bà T được chị H’ H chở đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông chữa trị, sau đó được chỉ định phẫu thuật; căn cứ vết thương, hồ sơ bệnh án và kết quả giám định thì bà T bị chấn thương khớp cổ chân phải, gãy 03 mắt cá. Cơ chế hình thành tổn thương là do bị ngã, xoắn vặn khớp cổ chân.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số: 132/TgT ngày 23/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị Ngọc T như sau: Bà T bị chấn thương khớp cổ chân phải gãy 03 mắt cá, đã được phẫu thuật kết hợp xương, còn hạn chế vận động khớp chân, tỷ lệ 15%; hai sẹo vết thương phần

mềm kích thước trung bình, tỷ lệ 04%, bằng $(100-15) \times 4/100\% = 3,4\%$. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18,4%, làm tròn 18%.

Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương là do bị ngã, xoắn vặn khớp cổ chân; với tác động bị xô đẩy từ phía trước, ngã ngửa xuống đất thì hoàn toàn có thể gây ra gãy mắt cá chân cho bà Nguyễn Thị Ngọc T. Yếu tố thuận lợi là do bà Nguyễn Thị Ngọc T đã lớn tuổi, các dây chằng khớp cổ chân thường yếu, loãng xương nên dễ bị gãy các mắt cá chân.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 27-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song quyết định: Tuyên bố bị cáo Đặng Thế P phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thế P 09 (Chín) tháng tù. Về việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Đặng Thế P phải bồi thường các chi phí điều trị hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi, lao động bị giảm và các chi phí hợp lý khác cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, số tiền: **78.926.893** đồng (Bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 10-5-2021, bị cáo Đặng Thế P kháng cáo kêu oan, đề nghị xem xét các hành vi trái pháp luật của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Ngày 11-5-2021, bị hại Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo là oan sai. Hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích, do bị cáo không có lỗi cố ý gây thương tích cho bị hại, hành vi của bị cáo đẩy bị hại chỉ là hành vi phòng vệ chính đáng và trong hồ sơ không có chứng cứ chứng minh thương tích bị hại là do bị cáo gây ra, bản kết luận giám định về thương tích của bị hại là trái quy định của pháp luật. Mặt khác, cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nguyên nhân, động cơ thực hiện tội phạm, bỏ qua các hành vi trái pháp luật của bị hại, đồng thời xác định những người làm chứng là những người đi cùng bị hại tới chiếm đất mà bị cáo đang được quyền quản lý là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song điều tra lại.

Bị cáo không bào chữa gì bổ sung.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường cho bị hại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và của những người làm chứng, bị cáo thừa nhận đã có hành vi dùng tay đẩy mạnh vào phía trên ngực bà T, làm bà T bị té ngã về phía sau. Sau khi sự việc xảy ra, anh Nguyễn Văn Đ là Trưởng công an xã T đã đến hiện trường lập biên bản về nội dung sự việc, lúc này ghi nhận cổ chân bà T sưng nề, không đi lại được (BL 179), đồng thời anh Đ đã chụp lại hình ảnh cổ chân bà T (BL 95). Ngay sau đó, bà T được chở đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông để điều trị và phẫu thuật, tại bản kết luận giám định thương tích kết luận bà T bị thương tích 18%. Như vậy, hành vi của bị cáo là cố ý gián tiếp gây ra thương tích 18% cho bị hại, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả do hành vi của mình gây ra. Mặt khác, xét trong điều kiện, diễn biến của vụ án không có căn cứ cho rằng hành vi của bị cáo là phòng vệ chính đáng, đối với việc bị hại có một phần lỗi trong vụ án đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định và áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song kết án bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại, xét thấy: Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, mặt khác bị cáo phạm tội do lỗi cố ý gián tiếp, đồng thời bị cáo có nhân thân tốt, lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, việc không nhận tội là do nhận thức pháp luật của bị cáo, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo 9 tháng tù đã phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, có căn cứ để sửa phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo. Đối với kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu do bị hại cung cấp, căn cứ theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm và quyết định buộc bị cáo bồi thường **78.926.893** đồng cho bị hại là có căn cứ và đúng pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường thiệt hại.

[3]. Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ cần chấp nhận, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bị cáo Đặng Thế P và bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Ngọc T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 27-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về tội danh, hình phạt và phần bồi thường thiệt hại, sửa Bản án sơ thẩm số: 09/2021/HS-ST ngày 27-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song về phần áp dụng pháp luật.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm s, i khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Thế P 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Về việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Đặng Thế P phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền: **78.926.893** đồng (Bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT CA huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương

